

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

HẠT BÍ CHACHEER NGUYÊN VỊ

TCCS 71/VDN/2023

CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

Email: d1-hha@vedaninternational.com

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 71/VDN/2023

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: d1-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Hạt bí ChaCheer nguyên vị

2. Thành phần: Hạt bí (99,5%), muối (0,5%).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):

75 g và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trực tiếp trong bao giấy đa lớp, chất liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm là nhựa PE, bên ngoài là thùng carton hoặc theo yêu cầu khách hàng. Bao bì sử dụng phù hợp yêu cầu An toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD.

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210.

Xuất xứ: Thái Lan.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm.



IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam nhập khẩu, phân phối và kinh doanh sản phẩm “Hạt bí ChaCheer nguyên vị” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.8, 3.25).
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.1).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 07 tháng 07 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



NI CHIH HAO



HÌNH ẢNH PHÓNG TO NHÃN SẢN PHẨM HẠT BÍ CHACHEER NGUYÊN VỊ 75 g

HẠT BÍ CHACHEER NGUYÊN VỊ

Thành phần: Hạt bí (99,5%), muối (0,5%).

Khối lượng tịnh: 75 g

NSX, HSD: Xem trên bao bì.

Hướng dẫn sử dụng: Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được để nên và không tác động lực mạnh.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng cho trẻ dưới 5 tuổi.

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD.

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210

Xuất xứ: Thái Lan

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 71/VDN/2023



Nutrition Facts

About 2 servings per container

Serving size 1/5 cup kernel (30 g)*

Amount per serving

Calories 180

% Daily Value**

Total Fat 15 g **19%**

Saturated Fat 2.5 g **13%**

Trans Fat 0 g

Cholesterol 0 mg **0%**

Sodium 0 mg **0%**

Total Carbohydrate 3 g **1%**

Dietary Fiber 2 g **7%**

Total Sugars < 1 g

Includes 0 g Added Sugars **0%**

Protein 11 g

Vitamin D 0 mcg **0%**

Calcium 0 mg **0%**

Iron 2.4 mg **15%**

Potassium 230 mg **4%**

* Equates to 1/5 cup in the shell (37 g)

** The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.



中国认可
国际互认
检测
TESTING
CNAS L0599

Báo cáo thử nghiệm ASH23-0011552-06

Ngày: 13-06-2023

Tên Khách hàng: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thái Lan 13210.

Tên mẫu: Hạt bí ChaCheer nguyên vị

Số lô của mẫu: /

Ngày sản xuất: /

Nhà sản xuất:

Tên nhà phân phối: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ nhà phân phối: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Thông tin và (các) mẫu trên đã được khách hàng gửi và xác nhận. Tuy nhiên, SGS không chịu trách nhiệm xác minh tính chính xác, đầy đủ và hoàn chỉnh của các thông tin và mẫu đó.

Ngày nhận mẫu: 20-04-2023

Thời gian thử nghiệm: 20-04-2023- 05-05-2023

Yêu cầu thử nghiệm: (Các) thử nghiệm được chọn theo yêu cầu của khách hàng.

Phương pháp thử nghiệm: Vui lòng tham khảo (các) trang tiếp theo.

(Các) Kết quả thử nghiệm: Vui lòng tham khảo (các) trang tiếp theo.

(Đã ký và đóng dấu)

Chữ ký ủy quyền của SGS

Quét để xem báo cáo



ASH23-0011552-06

SGS-CSTC Standards Technical Services (Shanghai) Co., Ltd.

Trang 1/3

(Đã đóng
dấu)

Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, tài liệu này được Công ty phát hành theo Điều kiện Dịch vụ Chung được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu hoặc có thể truy cập tại <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx> và, đối với các tài liệu định dạng điện tử, tuân theo Điều khoản và Điều kiện dành cho Tài liệu Điện tử tại <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx>. Chú ý đến giới hạn trách nhiệm, các vấn đề về bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nắm giữ tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin có trong tài liệu này chỉ phản ánh các kết quả phát hiện của Công ty tại thời điểm Công ty tiến hành và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Công ty chịu trách nhiệm duy nhất đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không bán chẵn cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Tài liệu này không thể được sao chép ngoại trừ toàn bộ, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Mọi thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố ở mức tối đa của pháp luật. Trừ khi có quy định khác, các kết quả nêu trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu được thử nghiệm.

Chú ý: Để kiểm tra tính xác thực của báo cáo và chứng nhận kiểm tra/thử nghiệm, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo số điện thoại: (86-755) 8307 1443, hoặc email: CN.Doccheck@sgs.com

Tầng 3 Tòa nhà 889, đường Yishan, Thượng Hải, Trung Quốc 200233

ĐT: 400-691-0488

Fax: (86-21) 61402547 www.sgs.com

Thành viên của SGS Group (SGS SA)



Báo cáo thử nghiệm ASH23-0011552-06

Ngày: 13-06-2023

Mô tả mẫu:

Số mẫu	Mã mẫu của SGS	Mô tả
2	ASH23-0011552-0002	đóng gói sản phẩm bao bì còn nguyên vẹn

Thử nghiệm vi sinh vật

Hạng mục thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm 2
Tổng vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	AOAC 966.23	<10
Bacillus cereus	CFU/g	GB 4789.14-2014 I	<10
Clostridium perfringens	CFU/g	AOAC 976.30	<10
Coliforms	MPN/g	GB 4789.3-2016 I	<0,30
Nấm men	CFU/g	GB 4789.15-2016 I	<10
Nấm mốc	CFU/g	GB 4789.15-2016 I	<10
Escherichia coli	MPN/g	AOAC 966.24	<0,3

Thử nghiệm hóa học

Hạng mục thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm 2	LOQ
Chì (Pb)	mg/kg	GB 5009.12-2017 I	ND	0,04
Độ ẩm	g/100 g	AOAC 930.04	1,75	-
Giá trị peroxide (dạng chất béo)	g/100 g	GB 5009.227-2016 I	0,029	0,001
Cholesterol	mg/100 g	AOAC 994.10	ND	1
Protein	%	AOAC 2001.11	33,3	-
Chất xơ	g/100 g	AOAC 991.43	6,95	-
Aflatoxin B ₁	µg/kg	GB 5009.22-2016 III	ND	0,30
Aflatoxin B ₂	µg/kg	GB 5009.22-2016 III	ND	0,20
Aflatoxin G ₁	µg/kg	GB 5009.22-2016 III	ND	0,30
Aflatoxin G ₂	µg/kg	GB 5009.22-2016 III	ND	0,20
Canxi (Ca)	mg/kg	AOAC 984.27	376,98	0,1
Sắt (Fe)	mg/kg	AOAC 984.27	74,08	0,1
Kali (K)	mg/kg	AOAC 984.27	7094,38	0,1
Natri (Na)	mg/kg	AOAC 984.27	6,82	0,1
Tro	g/100 g	AOAC 930.05	4,4	-
Chất béo tổng	g/100 g	AOAC 996.06	51,8	0,01
Chất béo bão hòa	g/100 g	AOAC 996.06	9,64	0,01
Chất béo chuyển hóa	g/100 g	AOAC 996.06	0,0906	0,01
Asen tổng số (As)	mg/kg	GB 5009.11-2014 Chương I phương pháp I	0,013	0,010
Fructose	g/100 g	GB 5009.8-2016 I	ND	0,1
Glucose	g/100 g	GB 5009.8-2016 I	ND	0,1
Sucrose	g/100 g	GB 5009.8-2016 I	1,1	0,1
Maltose	g/100 g	GB 5009.8-2016 I	ND	0,1
Lactose	g/100 g	GB 5009.8-2016 I	ND	0,1

SGS-CSTC Standards Technical Services (Shanghai) Co., Ltd.

Trang 2/3

(Đã đóng dấu)

Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, tài liệu này được Công ty phát hành theo Điều kiện Dịch vụ Chung được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu hoặc có thể truy cập tại <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx> và, đối với các tài liệu định dạng điện tử, tuân theo Điều khoản và Điều kiện dành cho Tài liệu Điện tử tại <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx>. Chủ ý đến giới hạn trách nhiệm, các vấn đề về bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nắm giữ tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin có trong tài liệu này chỉ phản ánh các kết quả phát hiện của Công ty tại thời điểm Công ty tiến hành và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Công ty chấp nhận trách nhiệm duy nhất đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không bảo chứa cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tín hiệu giao dịch. Tài liệu này không thể được sao chép ngoại trừ toàn bộ, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Mọi thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố ở mức tối đa của pháp luật. Trừ khi có quy định khác, các kết quả nêu trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu được thử nghiệm.

Chú ý: Để kiểm tra tính xác thực của báo cáo và chứng nhận kiểm tra/thử nghiệm, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo số điện thoại: (86-755) 8307 1443, hoặc email: CN.Doccheck@sgs.com

Tầng 3 Tòa nhà 889, đường Yishan, Thượng Hải, Trung Quốc 200233 DT: 400-691-0488 Fax: (86-21)61402547 www.sgsgroup.com.cn
Thành viên của SGS Group (SGS SA)



Báo cáo thử nghiệm ASH23-0011552-06

Ngày: 13-06-2023

Hạng mục thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm 2	LOQ
Tổng (Fructose, Glucose, Sucrose, Maltose, Lactose)	g/100 g	GB 5009.8-2016 I	1,1	-
Vitamin D2	µg/100 g	BS EN 12821:2009	ND	2
Vitamin D3	µg/100 g	BS EN 12821:2009	ND	2

Tính toán kết quả

Hạng mục tính toán	Đơn vị	Phương pháp tính toán	Kết quả tính toán 2
*Năng lượng	kcal/100g	FDA 21 CFR 101.9	620
*Tổng carbohydrate	g/100 g	FDA 21 CFR 101.9	8,8
*Năng lượng từ chất béo	kcal/100g	FDA 21 CFR 101.9	466

Nhận xét:

1. ND = Không được phát hiện
2. LOQ = Giới hạn Định lượng
3. *Các mục thử nghiệm không được đưa vào Phụ lục được CNAS công nhận cho phòng thí nghiệm của chúng tôi.

Chú ý:

Báo cáo thử nghiệm này thay thế cho Báo cáo thử nghiệm số ASH23-0011552-04 do SGS-CSTC Standards Technical Services (Shanghai) Co., Ltd phát hành. Báo cáo thử nghiệm ban đầu sẽ không hợp lệ kể từ hôm nay.

Trừ khi có quy định khác, các kết quả hiển thị trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến các hạng mục được thử nghiệm. Tài liệu này không được sử dụng cho mục đích công khai không phù hợp mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của SGS. Báo cáo thử nghiệm chỉ được sử dụng cho nghiên cứu khoa học, giảng dạy, kiểm soát chất lượng nội bộ.

*** Kết thúc***

SGS-CSTC Standards Technical Services (Shanghai) Co., Ltd.

Trang 3/3

(Đã đóng dấu)

Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, tài liệu này được Công ty phát hành theo Điều kiện Dịch vụ Chung được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu hoặc có thể truy cập tại <http://www.sgs.com.cn/Terms-and-Conditions.aspx> và, đối với các tài liệu định dạng điện tử, tuân theo Điều khoản và Điều kiện dành cho Tài liệu Điện tử tại <http://www.sgs.com.cn/Terms-and-Conditions/Terms-e-Documents.aspx>. Chú ý đến giới hạn trách nhiệm, các vấn đề về bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nắm giữ tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin có trong tài liệu này chỉ phản ánh các kết quả phát hiện của Công ty tại thời điểm Công ty tiến hành và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Công ty chịu trách nhiệm duy nhất đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không bảo chứng cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Tài liệu này không thể được sao chép ngoại trừ toàn bộ, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Mọi thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố ở mức tối đa của pháp luật. Trừ khi có quy định khác, các kết quả nêu trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu được thử nghiệm.

Chú ý: Để kiểm tra tính xác thực của báo cáo và chứng nhận kiểm tra thử nghiệm, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo số điện thoại: (86-755) 8307 1443, hoặc email: CN.Doccheck@sgs.com

Tầng 3 Tòa nhà 889, đường Yishan, Thượng Hải, Trung Quốc 200233 DT: 400-691-0488 Fax: (86-21) 61402547 www.sgs.com.cn
Thành viên của SGS Group (SGS SA)

SGS
P
G
K
NG

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 04 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tôi, Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật

CHỨNG NHẬN:

CERTIFY THAT:

- Bản dịch này do bà Lê Thị Chà, CMND số 012392795 cấp ngày 23/12/2009 tại công an Hà Nội, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã dịch từ **tiếng Anh sang tiếng Việt**.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Lê Thị Chà;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 05 bản chính, mỗi bản gồm 4 tờ, 4 trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 1022 ; Quyển số: 01/2023 -TP/CC-SCC/BD

Người dịch



Lê Thị Chà

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN

Vũ Thị Thùy Trang

TH
H
CH
H
T



中国认可
国际互认
检测
TESTING
CNAS L0599

Test Report

ASH23-0011552-06

Date: 2023-06-13

Client Name: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD.

Client Address: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210

Sample Name: Original pumpkin seeds chacheer brand

Sample Batch No.: /

Production Date: /

Manufacturer: /

Distributor Name: VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CORP., LTD.

Distributor Address: National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Above information and sample(s) was/were submitted and certified by the client, SGS quoted the information with no responsibility as to the accuracy, adequacy and/or completeness.

Date of Sample Received: 2023-04-20

Testing Period: 2023-04-20 ~ 2023-05-05

Test Requested: Select test(s) as requested by the client.

Test Method(s): Please refer to next page(s).

Test Results(s): Please refer to next page(s).



SGS Approved Signatory

SGS-CSTC Standards Technical Services (Shanghai) Co., Ltd.

Page 1 of 3

scan to see the report



ASH23-0011552-06



Unless otherwise agreed in writing, this document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at <http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx> and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at <http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions/Terms%20Document.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested.

Attention: To check the authenticity of testing inspection report & certificates, please contact us at telephone: (86-21) 6707 6663, or email: CS@sgs.com.cn

3rd Building, No. 899, Yishan Road, Shanghai, China 200333 1 400-691-0488 1 (86-21) 6140 2547 www.sgs.com.cn
中国·上海·宜山路899号3号楼 邮编:200333 1 400-691-0488 1 (86-21) 6140 2547 sgs.china@sgs.com

Member of the SGS Group (SGS SA)

Test Report

ASH23-0011552-06

Date: 2023-06-13

Sample Description:

Sample No.	SGS Sample ID	Description
2	ASH23-0011552-0002	packing product the packaging intacted

Microbial Test(s)

Test Item(s)	Unit(s)	Test Method(s)	Test Result(s) 2
Total Plate Count	CFU/g	AOAC 966.23	<10
Bacillus cereus	CFU/g	GB 4789.14-2014 I	<10
Clostridium perfringens	CFU/g	AOAC 976.30	<10
Coliforms	MPN/g	GB 4789.3-2016 I	<0.30
Mould	CFU/g	GB 4789.15-2016 I	<10
Yeast	CFU/g	GB 4789.15-2016 I	<10
Escherichia coli	MPN/g	AOAC 966.24	<0.3

Chemical Test(s)

Test Item(s)	Unit(s)	Test Method(s)	Test Result(s) 2	LOQ
Lead(Pb)	mg/kg	GB 5009.12-2017 I	ND	0.04
Moisture	g/100 g	AOAC 930.04	1.75	-
Peroxide value(as fat)	g/100 g	GB 5009.227-2016 I	0.029	0.001
Cholesterol	mg/100 g	AOAC 994.10	ND	1
Protein	%	AOAC 2001.11	33.3	-
Dietary Fiber	g/100 g	AOAC 991.43	6.95	-
Aflatoxin B ₁	µg/kg	GB 5009.22-2016 III	ND	0.30
Aflatoxin B ₂	µg/kg	GB 5009.22-2016 III	ND	0.20
Aflatoxin G ₁	µg/kg	GB 5009.22-2016 III	ND	0.30
Aflatoxin G ₂	µg/kg	GB 5009.22-2016 III	ND	0.20
Calcium(Ca)	mg/kg	AOAC 984.27	376.98	0.1
Iron(Fe)	mg/kg	AOAC 984.27	74.08	0.1
Potassium(K)	mg/kg	AOAC 984.27	7094.38	0.1
Sodium(Na)	mg/kg	AOAC 984.27	6.82	0.1
Ash	g/100 g	AOAC 930.05	4.4	-
Total Fat	g/100 g	AOAC 996.06	51.8	0.01
Saturated Fat	g/100 g	AOAC 996.06	9.64	0.01
Trans Fat	g/100 g	AOAC 996.06	0.0906	0.01
Total Arsenic(As)	mg/kg	GB 5009.11-2014 Chapter I method I	0.013	0.010
Fructose	g/100 g	GB 5009.8-2016 I	ND	0.1
Glucose	g/100 g	GB 5009.8-2016 I	ND	0.1
Sucrose	g/100 g	GB 5009.8-2016 I	1.1	0.1
Maltose	g/100 g	GB 5009.8-2016 I	ND	0.1
Lactose	g/100 g	GB 5009.8-2016 I	ND	0.1

SGS-CSTC Standards Technical Services (Shanghai) Co.,Ltd.

Page 2 of 3



Unless otherwise agreed in writing, this document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed on the back of the report, available on request or accessible at <http://www.sgs.com/terms-and-conditions.aspx> and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at <http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions/terms-e-document.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction clauses defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested.

For check the authenticity of testing inspection report & certificate, please contact us at telephone (+86-21) 5107 5842, or email: CN.Certification@sgs.com

3F Building, No.889 Yishan Road, Shanghai, China 200223 1 400-691-0488 1 (86-21) 5140 2547 www.sgs.com.cn
 中国·上海·宜山路889号3号楼 邮编:200223 1 400-691-0488 1 (86-21) 5140 2547 cn.sgs@sgs.com



Test Report

ASH23-0011552-06

Date: 2023-06-13

Test Item(s)	Unit(s)	Test Method(s)	Test Result(s) 2	LOQ
Sum of (Fructose, Glucose, Sucrose, Maltose, L actose)	g/100 g	GB 5009.8-2016.1	1.1	-
Vitamin D ₂	µg/100 g	BS EN 12821:2009	ND	2
Vitamin D ₃	µg/100 g	BS EN 12821:2009	ND	2

Calculate Result(s)

Calculate items	Unit(s)	Calculate Methods	Calculate Result(s) 2
*Energy	kcal/100g	FDA 21 CFR 101.9	620
*Total Carbohydrate	g/100 g	FDA 21 CFR 101.9	8.8
*Energy from fat	kcal/100g	FDA 21 CFR 101.9	466

Remark:

1. ND = Not Detected
2. LOQ = Limit of Quantitation
3. *Test items were not included in the CNAS Accredited Schedule for our laboratory.

Attention:

This Test Report supersedes the Test Report No. ASH23-0011552-04 issued by SGS-CSTC Standards Technical Services (Shanghai) Co., Ltd. Original test report will be invalid from today.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the items tested. This document cannot be used for improper publicity, without prior written approval of the SGS. The test report shall only be used for scientific research, teaching, internal quality control.

*** End***



SGS-CSTC Standards Technical Services (Shanghai) Co., Ltd.

Page 3 of 3



Unless otherwise agreed in writing, this document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx> and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Documents.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction clauses defined therein. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested.

Agencies: To check the authenticity of testing inspection report & certificates, please contact us at info@sgs.com or info@sgs.com (05-75001883), or email: CN.Doccheck@sgs.com

3rd Building, No. 888, Yishen Road, Shanghai, China 200233 1 400-891-0488 f (86-21) 8140 2547 www.sgs.cn
中国·上海·宜山路888号3号楼 邮编:200233 1 400-891-0488 f (86-21) 8140 2547 e sgs.china@sgs.com